TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐL
TỈNH KON TUM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/2018/QĐST- HNGĐ

Đăk Glei, ngày 12 tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 12/2017/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 12 năm 2017, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị P; Sinh năm 1981

- Bị đơn: Anh Đoàn Ngọc L; Sinh năm: 1979

Địa chỉ: Cùng trú tại thôn NK, xã ĐM, huyện ĐL, tỉnh Kon Tum;

Căn cứ vào các Điều 212; 213; 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 02 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 02 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị P và anh Đoàn Ngọc L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị P và anh Đoàn Ngọc L tự nguyện thỏa thuận, thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Các đương sự công nhận vợ chồng có hai con chung tên là Đoàn Ngọc D1; sinh ngày 17 tháng 7 năm 2007 và cháu Đoàn Ngọc D2; sinh ngày 17 tháng 01 năm 2010. Các đương sự thoả thuận chị Phan Thị P được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đoàn Ngọc D2; sinh ngày 17 tháng 01 năm 2010;

anh Đoàn Ngọc L được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Đoàn Ngọc D1; sinh ngày 17 tháng 07 năm 2007 kể từ ngày các đương sự ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành và sống tự lập được và không bên nào phải đóng góp tiền cấp dưỡng để nuôi con chung cho bên nào. Các bên có quyền đi lại, thăm nom con chung, không bên nào được ngăn cản hoặc cấm đoán.

- Về tài sản và nợ nần: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

- Về án phí dân sự sơ thẩm *(Thuận tình ly hôn)*:

Áp dụng Điều 144; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 7 Điều 26; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, do các đương sự tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên chị Phan Thị P và anh Đoàn Ngọc L phải chịu 50% án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng. Chị Phan Thị P phải nộp 75.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, anh Đoàn Ngọc L phải nộp 75.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm để nộp vào Ngân sách Nhà nước. Chị Phan Thị P thỏa thuận nhận nộp số tiền này cho anh Đoàn Ngọc L. Chị Phan Thị P nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), số tiền án phí chị P phải nộp được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2010/0004567 ngày 25 tháng 12 năm 2017; chị Phan Thị P còn được nhận lại số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), nhận tiền tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐL, tỉnh Kon Tum.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại TP Đà Nẵng;
- VKSND huyện ĐL;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Chi cục THADS huyện ĐL;
- Ủy ban nhân dân xã ĐM, huyện ĐL
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./

THẨM PHÁN

Y Trinh